

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên hóa chất: Natri bromua (Sodium Bromide)

Công thức hóa học: NaBr

Số CAS: 7647-15-6

Khối lượng phân tử: 102.89 g/mol

MỤC 1: NHẬN DẠNG

- Tên thương mại:** Natri bromua
- Tên khác:** Sodium bromide, Bromnatri
- Nhà cung cấp:**

Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
MST: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP.HCM
- SĐT khẩn cấp:** 0909.907.861

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại GHS:** Không phân loại là nguy hiểm theo GHS
- Từ cảnh báo:** KHÔNG NGUY HIỂM
- Câu nguy hại:**
 - Không có nguy hại đáng kể ở nồng độ thường dùng
- Câu phòng ngừa:**
 - Tránh hít bụi
 - Rửa tay sau khi sử dụng
 - Không ăn/uống trong khi thao tác

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần	Công thức	CAS	Hàm lượng
Sodium bromide	NaBr	7647-15-6	≥95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da:** Rửa với nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt với nước ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Súc miệng, không cố gây nôn, tham khảo ý kiến y tế nếu cần

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Chất chữa cháy:** Nước, bọt, CO₂, bột khô
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Hơi brom độc nếu cháy lớn
- Trang bị bảo hộ:** Mặc đồ chống hóa chất, mặt nạ phòng độc khi chữa cháy lớn

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Thu gom:** Dùng chổi quét khô hoặc hút chân không, không để phát tán bụi
- Bảo vệ cá nhân:** Đeo găng tay, khẩu trang bụi, tránh tiếp xúc trực tiếp
- Ngăn ngừa môi trường:** Không xả vào cống rãnh hoặc nguồn nước

MỤC 7: BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG

- Bảo quản:**
 - Nơi khô ráo, thoáng mát
 - Tránh ẩm và ánh sáng trực tiếp
- Sử dụng:**
 - Làm trong môi trường thông gió tốt

- Tránh tạo bụi mịn

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm:** Không có giới hạn cụ thể theo ACGIH
- **Bảo hộ cá nhân:**
 - **Hô hấp:** Khẩu trang chống bụi nếu thao tác nhiều
 - **Tay:** Găng tay nitrile hoặc PVC
 - **Mắt:** Kính bảo hộ
 - **Da:** Áo khoác phòng thí nghiệm

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Dạng:** Tinh thể rắn, trắng
- **Mùi:** Không mùi
- **Điểm nóng chảy:** 747 °C
- **Điểm sôi:** 1390 °C
- **Độ tan:** Dễ tan trong nước (~94 g/100 mL ở 25 °C)
- **pH (1M):** ~6–8

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định trong điều kiện thường
- **Tránh tiếp xúc:** Các chất oxy hóa mạnh
- **Sản phẩm phân hủy:** Khí brom độc nếu cháy hoặc nhiệt cao

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** ~3500 mg/kg
- **Tác động ngắn hạn:** Có thể gây kích ứng nhẹ da, mắt
- **Tác động dài hạn:** Tiếp xúc kéo dài liều cao có thể gây rối loạn thần kinh

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc với thủy sinh:** Thấp
- **Khả năng phân hủy sinh học:** Tốt
- **Tác động môi trường:** Không thải trực tiếp ra môi trường nước

MỤC 13: THÔNG TIN XỬ LÝ CHẤT THẢI

- **Phương pháp xử lý:**
 - Thu gom và giao cho đơn vị xử lý chất thải công nghiệp
 - Không đổ vào bồn rửa hoặc cống

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không phân loại nguy hiểm
- **Tên vận chuyển:** Sodium bromide
- **Nhóm đóng gói:** Không áp dụng
- **Loại nguy hiểm:** Không nguy hiểm

MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- **Tình trạng pháp lý:** Không nằm trong danh mục kiểm soát nghiêm ngặt
- **GHS:** Không phân loại nguy hiểm

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 07/07/2025
- **Tài liệu tham khảo:**

- Sigma-Aldrich SDS
- PubChem
- GHS Classification

- **Ghi chú:**

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế